

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18-02-2022

*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi
ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Lương Mạnh Tường

- Ông Nguyễn Văn Phiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Trần Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 187/2021/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST- HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị Nh, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn Ph, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh Đỗ Văn C, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn Tr, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 10 năm 2021 và bản tự khai, nguyên đơn Chị Trịnh Thị Nh trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và Anh Đỗ Văn C kết hôn với nhau và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình vào ngày 03/11/2006 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng anh chị sinh sống tại Thôn Trại Rào, xã V, huyện N. Tuy nhiên hai vợ chồng chỉ hạnh phúc được 1 thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp nhau về mọi mặt, vợ chồng không tin tưởng nhau dẫn đến luôn xảy ra xô sát. Hiện nay anh chị đã ly thân, không ai quan tâm đến ai về mọi mặt. Nay chị xác định mâu thuẫn giữa chị và anh C trầm trọng, không còn tình cảm vợ chồng nên chị xin ly hôn với anh C để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị xác định chị và anh C có 01 con chung là cháu: Đỗ Trung K sinh ngày 22/4/2008, hiện cháu đang ở với anh C, nguyện vọng của chị nếu ly hôn chị xin tiếp tục nuôi cháu tuy nhiên nếu cháu muốn ở với anh C thì chị cũng đồng ý.

Về tài sản và công nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn Anh Đỗ Văn C: Mặc dù Tòa án đã tiến hành thông báo và tổng đạt hợp lệ các thông báo, giấy báo của Tòa án nhưng anh C không đến Tòa án làm việc trực tiếp. Theo báo cáo của Ủy ban nhân dân xã V, hiện nay anh C vẫn có hộ khẩu cư trú và sinh sống tại thôn Trại Rào, xã V, huyện N. Ông Đỗ Đình B là bố đẻ anh C cũng xác nhận anh C đã biết việc chị N xin ly hôn với anh, anh cũng đồng ý. Về cháu K ông B cho biết cháu đang ở ổn định với anh C và ông bà nội, gia đình ông mong muốn tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cháu.

Ý kiến cháu Đỗ Trung K thể hiện tại bản tự khai ngày 29/12/2021, cháu xin ở với bố vì bố chăm sóc cháu tốt hơn.

Ngày 19 tháng 10 năm 2021 Tòa án nhân dân huyện N đã thụ lý vụ án về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo đơn khởi kiện của Chị Trịnh Thị Nh. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện N đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng thủ tục pháp luật quy định. Tuy nhiên đối với Anh Đỗ Văn C đã không đến để tham gia các phiên hòa giải tại Tòa án, vì vậy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại đơn xin xử vắng mặt, nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm như bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải

quyết tranh chấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015. Việc thụ lý vụ án đúng quy định của pháp luật.

- *Việc xác định quan hệ tranh chấp*: Căn cứ đơn khởi kiện, Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” là đúng quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thời hạn chuẩn bị xét xử*: Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về hình thức, nội dung.

- *Thời hạn gửi hồ sơ, văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát*: Đảm bảo quy định của pháp luật, việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Việc giao nộp tài liệu chứng cứ*: Thực hiện đúng các quy định tại Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các tài liệu là bản sao đều có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án*: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng*: Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đã có đơn xin xử vắng mặt. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không có mặt tại phiên tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 5, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Trịnh Thị Nh. Xử ly hôn giữa Chị Trịnh Thị Nh và Anh Đỗ Văn C.

2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Giao cháu Đỗ Trung K, sinh ngày 22/4/2008 cho anh C tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. chị Nh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Cường.

3. *Về án phí ly hôn*: Chị Trịnh Thị Nh phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. **Về nội dung:** Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa Chị Trịnh Thị Nh và Anh Đỗ Văn C là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống được với nhau thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm, không hợp nhau về mọi mặt. Cuộc sống vợ chồng của chị Nh và anh C thường xảy ra xung đột và kéo dài, hai bên đã ly thân. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nh với anh C là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: chị Nh và anh C có 01 con chung là cháu Đỗ Trung K sinh ngày 22/4/2008. Nguyên vọng của chị Nh xin trực tiếp nuôi cháu, tuy nhiên nếu cháu K muốn ở với anh C thì chị cũng đồng ý. Ý kiến cháu K và ông nội cháu: Cháu muốn tiếp tục ở với bố vì cháu ở với bố ổn định, có ông bà nội chăm sóc cùng. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay anh C khỏe mạnh, có thu nhập, cháu K có nguyện vọng ở với bố. Mặt khác quá trình giải quyết chị Nh cũng đồng ý theo nguyện vọng của cháu K. Do vậy, để đảm bảo sự ổn định, lợi ích mọi mặt của cháu, đảm bảo quy định của pháp luật nên giao cháu K cho anh C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do đương sự không có yêu cầu vì vậy không đặt ra việc giải quyết.

[2.4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trịnh Thị Nh phải chịu theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Các điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: - Các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Trịnh Thị Nh. Xử lý hôn giữa Chị Trịnh Thị Nh và Anh Đỗ Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Trung K, sinh ngày 22/4/2008 cho anh C tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác. chị Nh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh C.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con được giải quyết khi có một trong các căn cứ sau đây: Cha, mẹ có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con; Người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phải xem xét nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên. Trong trường hợp xét thấy cả cha và mẹ đều không đủ điều kiện trực tiếp nuôi con thì Tòa án quyết định giao con cho người giám hộ theo quy định của Bộ luật dân sự. Trong trường hợp có căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 84 thì trên cơ sở lợi ích của con, cá nhân, cơ quan, tổ chức sau có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con: Người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trịnh Thị Nh phải chịu theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nh đã nộp

theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0003380 ngày 19/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

4. Quyền kháng cáo: Chị Trịnh Thị Nh và Anh Đỗ Văn C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

NGUYỄN THỊ HƯƠNG QUỲNH